

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13-01-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH L**

- T2 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Thu Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Tạo;
- Bà Nguyễn Thị Bích Phượng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 464/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm: 1978; Cư trú tại: Ấp B.T, xã T.L, huyện C, tỉnh L, có mặt.
- Bị đơn:* Ông Phạm Hiếu N, sinh năm: 1983; Cư trú tại: Ấp 3, xã P.T, huyện C, tỉnh L, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Bà T và ông N tổ chức lễ cưới năm 2009. Hôn nhân của vợ chồng bà là do hai người tự quen biết và tìm hiểu nhau. Vợ chồng bà có tiền hành đăng ký kết hôn nhân tại Ủy ban nhân dân xã Tân Chánh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 117/2009 ngày 19/11/2009. Sau khi cưới nhau, vợ chồng chung sống bên nhà của bà T. Theo bà T vợ chồng chung sống hạnh phúc được 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Từ khi con riêng của bà T ly hôn, con riêng cùng các cháu của bà T về sống chung với vợ chồng bà T thì ông N tỏ thái độ hằn học, khó chịu với bà T, bà T đã nhiều lần trao đổi, nói chuyện với ông N để ông N thông cảm với hoàn cảnh con riêng của bà T, bà T có nói rằng con riêng của bà chỉ ở chung với bà đến khi cuộc sống ổn định hơn nhưng ông N không đồng ý. Sau đó, ông N không sống chung với bà T nữa mà về bên cha mẹ ruột của ông N sống. Bà T nhận thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân với ông N nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Minh T2, sinh ngày 11/01/2010. Hiện nay, cháu T2 đang sống với bà T, khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T2. Bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Phạm Hiếu N. Ông N không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của bà T và cũng không đến Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Hồng T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm Hiếu N có nơi cư trú tại ấp 3, xã P.T, huyện C, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn ông Phạm Hiếu N được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 207, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Hồng T và ông Phạm Hiếu N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Chánh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn 117/2009 ngày 19/11/2009. Theo bà T vợ chồng chung sống hạnh phúc được 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Từ khi con riêng của bà T ly hôn, con riêng cùng các cháu của bà T về sống chung với vợ chồng bà T thì ông N tỏ thái độ hằn học, khó chịu với bà T, bà T đã nhiều lần trao đổi, nói chuyện với ông N để ông N thông cảm với hoàn cảnh con riêng của bà T, bà T có nói rằng con riêng của bà chỉ ở chung với bà đến khi cuộc sống ổn định hơn nhưng ông N không đồng ý. Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Còn về phía ông N, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng cho ông N, nhưng ông N không đến Tòa án tham gia hòa giải, không trình bày ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, không đưa ra phương án đoàn tụ. Qua đó, có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông N không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông N.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Minh T2, sinh ngày 11/01/2010. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T2. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu T2 đang sống với bà T cuộc sống ổn định, đồng thời cháu T2 cũng có nguyện vọng muốn được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn nên giao cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng cháu T2 là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông N không có ý kiến về nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà T trình bày không có, ông N không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T về việc yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Phạm Hiếu N.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn với ông Phạm Hiếu N.

Về nuôi con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Hồng T tiếp tục nuôi dưỡng người con chung tên Phạm Minh T2, sinh ngày 11/01/2010. Ông Phạm Hiếu N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0000703 ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C sang án phí.

Bản án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã T.L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Võ Thu Xuân

